Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-24 17:07:41 +07:00

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết quy trình thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, kiểm tra, phúc tra, giám sát và bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu đối với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự;

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 169/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 11/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư Quy định chi tiết quy trình thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, kiểm tra, phúc tra, giám sát và bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu đối với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết:

1. Quy trình thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Quy trình kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thông tin khác.

3. Quy trình tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

4. Quy trình kiểm tra, phúc tra, giám sát việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

5. Quy trình kiểm tra, đánh giá bảo mật, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức có cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Thông tin về công dân được thu thập chính xác theo hồ sơ, giấy tờ pháp lý và từ các nguồn thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật. Được cập nhật đầy đủ các trường thông tin theo quy định của pháp luật; không trùng lặp, không mâu thuẫn, không sai lệch giữa các cơ sở dữ liệu, được rà soát, chuẩn hóa và đồng bộ thống nhất trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Được cập nhật kịp thời khi phát sinh thay đổi, bảo đảm dữ liệu luôn phản ánh đúng tình trạng thực tế của cá nhân tại thời điểm khai thác, sử dụng.

2. Việc cập nhật, điều chỉnh thông tin phải có đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật; xác định, kiểm soát được nguồn thông tin, được thực hiện bởi cơ

quan, cá nhân có thẩm quyền. Được ghi nhận đầy đủ lịch sử cập nhật, điều chỉnh, truy vết dữ liệu trên hệ thống.

3. Cán bộ Công an xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là Công an cấp xã) chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng Công an cấp xã và Công an cấp trên trực tiếp. Trưởng Công an cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Công an cấp trên về: việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin đúng thẩm quyền, đúng quy trình; tính chính xác, trung thực của thông tin thu thập; việc bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu trong quá trình thực hiện.

4. Việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải tuân thủ quy định của Luật Căn cước, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 58/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 02 năm 2026 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 70/2024/NĐ-CP), Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan nhà nước và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm thực hiện trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ quản dữ liệu đối với tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ. Bảo đảm thông tin được đồng bộ kịp thời khi có phát sinh, thay đổi. Không làm phát sinh cơ sở dữ liệu trùng lặp, mâu thuẫn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước;

b) Phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; không sử dụng thông tin vào mục đích khác;

c) Phải bảo đảm yêu cầu về an ninh mạng, bảo mật thông tin và bảo vệ dữ liệu; có cơ chế kiểm soát, giám sát và lưu vết theo quy định. Việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu không được làm thay đổi, làm sai lệch hoặc làm mất dữ liệu gốc khi chưa có căn cứ pháp lý.

5. Việc quản lý, tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải tuân thủ quy định của Luật Căn cước, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Việc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin chỉ được thực hiện phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các mục đích khác theo quy định của pháp luật;

b) Thông tin được tra cứu, khai thác, sử dụng phải đúng đối tượng, đúng phạm vi, đúng mục đích; không được sử dụng vào mục đích trái pháp luật hoặc ngoài phạm vi được phép;

c) Quá trình tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin phải được kiểm soát, giám sát thông qua hệ thống kỹ thuật. Được ghi nhật ký đầy đủ, bảo đảm truy vết được người tra cứu, thời điểm, nội dung tra cứu;

d) Việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin phải bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, áp dụng biện pháp kỹ thuật, biện pháp quản lý để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn truy cập trái phép. Phân quyền truy cập theo vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ và thực hiện kiểm tra, đánh giá an ninh mạng trước và trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin.

6. Trưởng Công an cấp xã có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện giải quyết, phê duyệt việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền không được giao quyền cho người khác và chịu trách nhiệm về việc giải quyết, phê duyệt việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước của mình.

Chương II
QUY TRÌNH THU THẬP, CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

Điều 4. Nguồn thông tin phục vụ thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Thông tin phục vụ thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước được hình thành từ các nguồn theo quy định tại Luật Căn cước và Nghị định số 70/2024/NĐ-CP, bao gồm:

a) Thông tin thu thập từ tàng thư căn cước, cư trú và tàng thư khác do lực lượng Công an nhân dân quản lý;

b) Thông tin phát sinh từ việc giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin phát sinh từ hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Công an phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự;

d) Thông tin được kết nối, chia sẻ, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác theo quy định;

đ) Thông tin do cá nhân cung cấp và đề nghị thu thập, cập nhật theo quy định của pháp luật về cư trú, căn cước.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được thu thập, cập nhật khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật;

b) Phù hợp với phạm vi thông tin được phép thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước;

c) Được thu thập, cập nhật bởi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền theo quy định;

d) Bảo đảm yêu cầu về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu;

đ) Thông tin phát sinh từ việc giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở kết quả giải quyết thủ tục hành

chính đã được phê duyệt theo thẩm quyền; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin đã cập nhật;

e) Thông tin được kết nối, chia sẻ, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác được thực hiện theo phương thức, phạm vi và nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin được chia sẻ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp thông tin được thu thập từ nhiều nguồn có sự khác nhau, mâu thuẫn hoặc chưa thống nhất, việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước chỉ được thực hiện sau khi đã được kiểm tra, đối chiếu, xác minh theo quy định; quá trình kiểm tra, xác minh phải được ghi nhận trên hệ thống để phục vụ công tác kiểm tra, phúc tra, giám sát.

Điều 5. Quy trình thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước tại Công an cấp xã

1. Công an cấp xã có trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc thu thập, cập nhật thông tin của cá nhân cư trú, sinh sống trên địa bàn quản lý để phục vụ cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước từ các nguồn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận nội dung liên quan thu thập, cập nhật thông tin, cán bộ Công an cấp xã được phân công có trách nhiệm:

a) Xác định rõ thông tin phát sinh từ thủ tục hành chính, từ cá nhân cung cấp, từ hoạt động quản lý cư trú hoặc từ nguồn hợp pháp khác;

b) Kiểm tra tính chính xác của thông tin theo từng trường dữ liệu cần thu thập;

c) Kiểm tra giấy tờ, tài liệu làm căn cứ thu thập, đối chiếu với bản chính (nếu có);

d) Tra cứu, đối chiếu thông tin với dữ liệu hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thông qua hệ thống nghiệp vụ.

3. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, cán bộ Công an cấp xã xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin đầy đủ, hợp lệ, thống nhất với dữ liệu hiện có thì ghi nhận, thu thập thông tin, báo cáo Trưởng Công an cấp xã phê duyệt để thực hiện cập nhật lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân bổ sung, hoàn thiện theo quy định;

c) Trường hợp thông tin có dấu hiệu mâu thuẫn, sai lệch hoặc chưa rõ căn cứ thì chưa thực hiện cập nhật thông tin, đồng thời thu thập giấy tờ, tài liệu làm căn cứ tiến hành xác minh các thông tin sai lệch và báo cáo Trưởng Công an cấp xã để chỉ đạo kiểm tra, xác minh. Thời hạn thực hiện xác minh không quá 02 ngày làm việc, trường hợp phức tạp không quá 03 ngày làm việc.

4. Đối với thông tin cần xác minh, cán bộ Công an cấp xã có trách nhiệm:

a) Thu thập, tổng hợp các tài liệu, thông tin trong phạm vi thẩm quyền;

b) Lập báo cáo kết quả xác minh, nêu rõ nội dung đã làm rõ và nội dung chưa làm rõ;

c) Căn cứ kết quả xác minh xác định trường hợp trùng khớp thông tin thì thực hiện theo điểm a khoản 3 Điều này. Trường hợp thông tin chưa trùng hoặc chỉ trùng một phần thì báo cáo Công an cấp tỉnh xem xét quyết định; chỉ thực hiện cập nhật thông tin sau khi có ý kiến hoặc kết luận của Công an cấp tỉnh.

5. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề xuất của cán bộ xử lý hồ sơ, Trưởng Công an cấp xã thực hiện phê duyệt việc thu thập, cập nhật thông tin của cá nhân. Công an cấp xã phải hoàn thành việc thu thập thông tin theo Phiếu thu thập thông tin dân cư trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và 05 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này trong trường hợp kiểm tra, xác minh đúng thông tin tính từ thời điểm tiếp nhận nội dung liên quan thu thập, cập nhật thông tin.

6. Việc thu thập, cập nhật thông tin được thực hiện trên phần mềm nghiệp vụ theo quy định. Toàn bộ quá trình thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước của Công an cấp xã được hệ thống ghi nhận đầy đủ để phục vụ công tác kiểm tra, phúc tra, giám sát gồm thời điểm thu thập, cập nhật thông tin, nguồn thông tin và hình thức tiếp nhận, nội dung thông tin đã thu thập, họ tên cán bộ trực tiếp thực hiện và chỉ huy thực hiện phê duyệt.

Điều 6. Quy trình cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các nguồn dữ liệu do Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an chuyển về

1. Việc cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ nguồn dữ liệu do Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an chuyển về Công an địa phương phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, căn cứ trên hồ sơ, tài liệu hợp pháp; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất của thông tin và an toàn, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận nguồn dữ liệu do Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an chuyển về thông qua hệ thống nghiệp vụ, Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, phân loại theo địa bàn cá nhân cư trú và chuyển về Công an cấp xã để tiến hành xác minh trước khi cập nhật, điều chỉnh theo quy định.

3. Trên cơ sở dữ liệu được tiếp nhận, Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú tổ chức rà soát hồ sơ cư trú, căn cước, hồ sơ quản lý có liên quan; trường hợp cần thiết, tiến hành xác minh thực tế, làm việc trực tiếp với cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm làm rõ, xác định chính xác thông tin cần cập nhật, điều chỉnh.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận nguồn dữ liệu do Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh chuyển về, căn cứ kết quả rà soát, xác minh, Công an cấp xã phải hoàn thành cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc cập nhật, điều chỉnh phải kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh hợp lệ, được ghi nhận đầy đủ trên hệ thống và bảo đảm truy vết lịch sử chỉnh sửa.

5. Kiểm tra, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu

a) Trưởng Công an cấp xã thực hiện kiểm tra, phê duyệt đối với các trường hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin theo quy định; dữ liệu sau khi được phê duyệt được đồng bộ, cập nhật thống nhất trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Sau khi hoàn thành việc cập nhật, điều chỉnh thông tin, Công an cấp xã có trách nhiệm phản hồi kết quả xử lý về Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thông qua hệ thống nghiệp vụ; đồng thời thực hiện lưu trữ hồ sơ điện tử, hồ sơ giấy (nếu có) theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Điều 7. Quy trình cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu

1. Việc cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy trình quy định tại Điều này, căn cứ vào nguồn phát sinh thông tin.

2. Trường hợp thông tin được cập nhật, điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do kết nối, chia sẻ, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin khác theo quy định của pháp luật, Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú có trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh thông tin theo quy định.

3. Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin, cán bộ Công an cấp xã được phân công có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và kiểm tra thông tin cập nhật, điều chỉnh từ hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Trường hợp thông tin được chia sẻ, đồng bộ phù hợp, thống nhất với dữ liệu hiện có và có căn cứ pháp lý rõ ràng thì cán bộ tiếp nhận báo cáo đề xuất Trưởng Công an cấp xã phê duyệt thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin theo đúng nội dung được chia sẻ, đồng bộ;

c) Trường hợp thông tin được chia sẻ, đồng bộ có sự mâu thuẫn hoặc chưa rõ căn cứ pháp lý thì Công an cấp xã thực hiện kiểm tra, xác minh và chỉ thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin khi đã kiểm tra, xác minh đúng thông tin. Thời hạn thực hiện xác minh không quá 02 ngày làm việc, trường hợp phức tạp không quá 03 ngày làm việc.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề xuất của cán bộ xử lý, Trưởng Công an cấp xã thực hiện phê duyệt để cập nhật, điều chỉnh thông tin được chia sẻ, đồng bộ.

5. Toàn bộ quá trình tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu và cập nhật, điều chỉnh thông tin từ nguồn kết nối, chia sẻ, đồng bộ được hệ thống tự động ghi nhận đầy đủ để phục vụ công tác kiểm tra, phúc tra, giám sát; nội dung ghi nhận bao gồm nguồn dữ liệu, thời điểm xử lý, nội dung thông tin được cập nhật, điều chỉnh và người thực hiện.

6. Trong quá trình xử lý thông tin được chia sẻ, đồng bộ, Công an cấp xã không được tự ý sửa đổi nội dung thông tin ngoài phạm vi được chia sẻ; tự hợp nhất thông tin từ nhiều nguồn khi chưa có căn cứ xác minh; cập nhật, điều chỉnh thông tin khi chưa xác định rõ tính chính xác, hợp pháp của dữ liệu.

Điều 8. Điều chỉnh thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Trường hợp cá nhân đề nghị cập nhật, điều chỉnh thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú là đơn vị tiếp nhận và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, xác minh và cập nhật thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP của Chính phủ) và theo quy định sau:

1. Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ (đầy đủ, hợp lệ) đề nghị cập nhật, điều chỉnh thông tin của cá nhân qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc trực tiếp tại Công an cấp xã, cán bộ tiếp nhận thực hiện:

a) Xác định rõ nội dung thông tin đề nghị cập nhật, điều chỉnh;

b) Đối chiếu thông tin đề nghị cập nhật, điều chỉnh với dữ liệu hiện có và giấy tờ, tài liệu do cá nhân cung cấp;

c) Trường hợp thông tin cá nhân đề nghị cập nhật, điều chỉnh đầy đủ, hợp lệ, có căn cứ pháp lý rõ ràng thì cán bộ tiếp nhận báo cáo đề xuất Trưởng Công an cấp xã phê duyệt thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin theo nội dung được đề nghị;

d) Trường hợp thông tin đề nghị cập nhật, điều chỉnh chưa rõ căn cứ, có sự khác nhau giữa dữ liệu đang được lưu trữ với giấy tờ, tài liệu do cá nhân cung cấp hoặc cần xác minh, cán bộ tiếp nhận báo cáo đề xuất Trưởng Công an cấp xã thực hiện việc xác minh theo quy định; thời hạn thực hiện xác minh không quá 01 ngày làm việc, trường hợp phức tạp không quá 02 ngày làm việc;

đ) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì cán bộ từ chối tiếp nhận, thông báo cho công dân và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề xuất của cán bộ xử lý, Trưởng Công an cấp xã thực hiện phê duyệt hồ sơ cập nhật, điều chỉnh thông tin theo đề nghị của công dân. Trường hợp từ chối phê duyệt cập nhật, điều chỉnh thông tin thì phải có văn bản trả lời công dân và nêu rõ lý do.

4. Sau khi Trưởng Công an cấp xã phê duyệt hồ sơ trên hệ thống, cán bộ xử lý thực hiện kiểm tra lại thông tin đã được cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống; thông báo kết quả giải quyết cho cá nhân theo quy định; bàn giao hồ sơ và các tài liệu kèm theo cho bộ phận tàng thư căn cước, cư trú để thực hiện lưu trữ theo quy định.

5. Toàn bộ quá trình tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và cập nhật, điều chỉnh thông tin theo đề nghị của cá nhân được ghi nhận đầy đủ trên hệ thống để phục vụ công tác kiểm tra, phúc tra, giám sát; cán bộ, đơn vị thực hiện chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin sau khi cập nhật, điều chỉnh.

6. Trường hợp cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ không phải là Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú thì cơ quan Công an nơi tiếp nhận phải chuyển ngay hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin tới Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú; đối với trường hợp cá nhân không có nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì gửi hồ sơ về nơi ở hiện tại để giải quyết và thông báo cho cá nhân biết việc đã chuyển hồ sơ đến Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú để được giải quyết theo thẩm quyền. Công an cấp xã nơi cá nhân cư trú có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và thông báo kết quả giải quyết cho cá nhân.

Chương III
QUẢN LÝ KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

Điều 9. Các thông tin khai thác khi kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Cơ quan, tổ chức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thông qua kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Các hệ thống thông tin cung cấp thông tin về cá nhân tối thiểu bao gồm họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân để phục vụ kiểm tra, đối soát thông tin.

2. Cơ quan, tổ chức khi đăng ký khai thác phải xác định rõ mục đích sử dụng, căn cứ pháp lý và danh mục, số lượng trường thông tin đầu ra cần khai thác tương ứng với từng thủ tục hành chính, nghiệp vụ, bảo đảm nguyên tắc khai thác tối thiểu, đúng và đủ theo yêu cầu.

Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp thông tin theo danh mục trường thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thực hiện việc khai thác; không cung cấp cố định toàn bộ trường thông tin.

Điều 10. Phương thức kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và hệ thống thông tin khác được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc các nền tảng kết nối, tích hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng.

Điều 11. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin theo cấp độ. Việc xác định cấp độ cho hệ thống thông tin tuân thủ quy định tại Nghị định bảo vệ an ninh mạng hệ thống thông tin.

2. Trước khi thực hiện kết nối hoặc sau khi thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức có sự điều chỉnh, thay đổi về thiết kế hệ thống thì phải được kiểm tra, đánh giá lại về an ninh mạng. Việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành bằng các thiết bị, phần mềm nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân. Nội dung kiểm tra, đánh giá gồm:

a) Việc thiết lập cấu hình bảo mật trên thiết bị hệ thống, máy chủ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu; việc vận hành các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho hệ thống;

b) Phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập hệ thống đối với thiết bị hệ thống, máy chủ và ứng dụng;

c) An toàn thông tin cho mã nguồn ứng dụng;

d) An ninh, an toàn thông tin phần cứng;

đ) Đánh giá an toàn thiết bị và người sử dụng đầu cuối, bao gồm việc quản lý, cấu hình bảo mật, kiểm soát mã độc, thiết bị lưu trữ, thiết bị ngoại vi, tài khoản, mật khẩu, quyền truy cập và việc chấp hành quy định về bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu trong quá trình kết nối, truy cập, khai thác hệ thống;

e) Việc ban hành các quy định, chính sách quản lý tài khoản, ra, vào khu vực máy chủ, quản lý mật khẩu các tài khoản quản trị, quản lý truy cập, các văn bản thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ thể tham gia quản lý, vận hành, cung cấp dịch vụ đối với hệ thống thông tin;

g) Hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

h) An ninh dữ liệu (tạo dữ liệu, truyền đưa dữ liệu, lưu trữ dữ liệu, khai thác, sử dụng dữ liệu, xóa bỏ dữ liệu...).

3. Đối với các hệ thống thông tin quân sự và hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, việc đánh giá, kiểm tra an ninh mạng được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật An ninh mạng.

4. Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì, phối hợp với Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an và đơn vị có liên quan thực hiện:

a) Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng của hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi kết nối và có văn bản xác nhận việc bảo đảm an ninh mạng. Trường hợp các hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với nền tảng định danh và xác thực điện tử thì không phải kiểm tra, đánh giá an ninh mạng theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Kiểm tra, đánh giá đột xuất việc bảo đảm an ninh mạng của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định của pháp luật bảo đảm an ninh mạng của hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; trừ hệ thống thông tin quân sự và hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; hệ thống thông tin đã được chia sẻ trực tuyến dữ liệu về giám sát an ninh mạng cho Bộ Công an hoặc hệ thống thông tin đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, đánh giá, xác nhận việc bảo đảm an ninh, an toàn không quá 01 năm theo quy định pháp luật về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

d) Trường hợp qua kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên hoặc đột xuất phát hiện hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có dấu hiệu mất an ninh mạng, không còn đáp ứng điều kiện bảo đảm an ninh mạng hoặc vi phạm quy định về kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có trách nhiệm thông báo, kiến nghị cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thuộc Bộ Công an xem xét, quyết định tạm dừng kết nối, yêu cầu khắc phục hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quy trình thực hiện kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Cơ quan, tổ chức quản lý hệ thống thông tin có văn bản đề nghị kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gửi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an.

Văn bản đề nghị kết nối bao gồm các nội dung: tên đơn vị đăng ký; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đề nghị được kết nối, chia sẻ; thông tin cán bộ phụ trách kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin; mục đích, phạm vi, nội dung thông tin, số lượng trường thông tin cần chia sẻ; dịch vụ đăng ký sử dụng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tài liệu mô tả kỹ thuật thành phần hệ thống có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an xét duyệt yêu cầu, nếu bảo đảm thì thực hiện như sau:

a) Cung cấp tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho cơ quan, tổ chức có đề nghị kết nối;

b) Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức thực hiện kết nối, điều chỉnh phần mềm và kiểm thử kỹ thuật các dịch vụ chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Trên cơ sở các yêu cầu của đơn vị đề nghị kết nối, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì, phối hợp Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an và đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá việc bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức có đề nghị kết nối.

Điều 13. Phương thức kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu căn cước với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Kết nối, chia sẻ thông tin thông qua mạng viễn thông, mạng máy tính, mạng chuyên dùng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử đối với cơ quan, tổ chức khác để phục vụ hoạt động xác thực điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu căn cước được thực hiện trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của cơ quan, tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin với Bộ Công an và phải bảo đảm yêu cầu về bảo mật, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Các thông tin được khai thác khi kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Việc khai thác, kết nối, chia sẻ thông tin từ Cơ sở dữ liệu căn cước phải bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền; được thực hiện trong phạm vi cần thiết để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính hoặc cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi thông tin khai thác

a) Thông tin định danh cơ bản của cá nhân và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Căn cước;

b) Ngoài các thông tin trên, cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin sinh trắc học khi được pháp luật cho phép và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức khai thác.

3. Quy định về khai thác thông tin sinh trắc học

a) Thông tin sinh trắc học của công dân, bao gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt, ADN và các dữ liệu sinh trắc học khác, chỉ được khai thác trong trường hợp thật sự cần thiết, phục vụ trực tiếp cho mục đích xác thực danh tính, giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Việc khai thác thông tin sinh trắc học phải được ghi nhận, kiểm soát, giám sát thông qua hệ thống kỹ thuật; bảo đảm truy vết được tổ chức, cá nhân thực hiện khai thác và mục đích khai thác.

4. Bảo đảm an toàn thông tin sinh trắc học

a) Ưu tiên sử dụng kết quả xác thực (đúng/sai, trùng khớp/không trùng khớp) thay vì cung cấp trực tiếp dữ liệu sinh trắc học gốc;

b) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để mã hóa, phân quyền truy cập và bảo đảm an toàn tuyệt đối đối với thông tin sinh trắc học trong quá trình khai thác, truyền nhận và lưu trữ.

Điều 15. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Yêu cầu chung đối với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin kết nối

a) Hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức đề nghị kết nối với Cơ sở dữ liệu căn cước phải đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin

theo cấp độ. Việc xác định cấp độ cho hệ thống thông tin tuân thủ quy định tại Nghị định bảo vệ an ninh mạng hệ thống thông tin;

b) Có phương án bảo đảm an ninh mạng, phương án ứng cứu, khắc phục sự cố và phương án bảo vệ dữ liệu, dữ liệu sinh trắc học đã được người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt;

c) Chỉ được kết nối sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu căn cước thuộc Bộ Công an.

2. Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng trước và trong quá trình kết nối

a) Trước khi thực hiện kết nối hoặc khi có sự điều chỉnh, thay đổi về kiến trúc, thiết kế, chức năng, phạm vi khai thác thông tin của hệ thống thông tin đã kết nối, cơ quan, tổ chức phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an ninh mạng;

b) Việc kiểm tra, đánh giá phải được thực hiện bắt buộc bằng thiết bị, phần mềm nghiệp vụ chuyên dụng của lực lượng Công an hoặc do lực lượng Công an chỉ định;

c) Chỉ được kết nối hoặc duy trì kết nối sau khi có văn bản xác nhận đáp ứng yêu cầu an ninh mạng của cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an.

3. Nội dung kiểm tra, đánh giá an ninh mạng

a) Việc thiết lập cấu hình bảo mật trên thiết bị hệ thống, máy chủ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu; việc vận hành các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho hệ thống;

b) Kiểm tra, phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu bảo mật; thử nghiệm xâm nhập đối với hệ thống, máy chủ, ứng dụng và giao diện kết nối;

c) Đánh giá an ninh mạng đối với mã nguồn ứng dụng, đặc biệt là các chức năng liên quan đến truy cập, xử lý, truyền nhận dữ liệu căn cước và dữ liệu sinh trắc học;

d) Đánh giá an ninh, an toàn thông tin phần cứng, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật chuyên dụng;

đ) Đánh giá an toàn thiết bị và người sử dụng đầu cuối, bao gồm việc quản lý, cấu hình bảo mật, kiểm soát mã độc, thiết bị lưu trữ, thiết bị ngoại vi, tài khoản, mật khẩu, quyền truy cập và việc chấp hành quy định về bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu trong quá trình kết nối, truy cập, khai thác hệ thống;

e) Việc ban hành, tổ chức thực hiện các quy chế, chính sách quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, quản lý mật khẩu, quản lý nhật ký truy cập; kiểm soát ra, vào khu vực đặt máy chủ; các thỏa thuận, cam kết về trách nhiệm của các chủ thể tham gia quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin;

g) Hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin có yêu cầu kết nối hệ thống Cơ sở dữ liệu về căn cước;

h) An ninh dữ liệu (tạo dữ liệu, truyền đưa dữ liệu, lưu trữ dữ liệu, khai thác, sử dụng dữ liệu, xóa bỏ dữ liệu...).

4. Đối với các hệ thống thông tin quân sự và hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, việc đánh giá, kiểm tra an ninh mạng được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật An ninh mạng.

5. Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì, phối hợp với Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an và các đơn vị liên quan thực hiện:

a) Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng của hệ thống thông tin trước khi kết nối và ban hành văn bản xác nhận đủ điều kiện kết nối; trường hợp hệ thống thông tin đã được kết nối, xác thực thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an quản lý thì được xem xét miễn kiểm tra theo khoản 2 Điều này;

b) Kiểm tra, đánh giá đột xuất khi phát hiện dấu hiệu mất an ninh mạng, vi phạm quy định về khai thác, sử dụng thông tin căn cước hoặc theo yêu cầu công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

c) Kiểm tra, đánh giá định kỳ theo quy định của pháp luật đối với các hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu căn cước; trừ trường hợp hệ thống thông tin đã chia sẻ trực tuyến dữ liệu giám sát an ninh mạng cho Bộ Công an hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá, xác nhận đáp ứng yêu cầu an ninh mạng trong thời hạn không quá 01 năm theo quy định pháp luật về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin.

6. Trường hợp hệ thống thông tin không còn đáp ứng điều kiện an ninh mạng hoặc vi phạm quy định về khai thác, sử dụng thông tin căn cước, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu căn cước của Bộ Công an quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối và yêu cầu khắc phục theo quy định của pháp luật. Trường hợp Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao phát hiện vi phạm trong quá trình kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên hoặc đột xuất thì có trách nhiệm thông báo, kiến nghị cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu căn cước của Bộ Công an xem xét, quyết định việc tạm dừng kết nối, chấm dứt kết nối, yêu cầu khắc phục hoặc áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

Điều 16. Quy trình thực hiện kết nối giữa Cơ sở dữ liệu căn cước với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác

1. Cơ quan, tổ chức quản lý hệ thống thông tin có văn bản đề nghị kết nối với Cơ sở dữ liệu căn cước gửi Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an.

Văn bản đề nghị kết nối gồm các nội dung: đơn vị đăng ký; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đề nghị được kết nối, chia sẻ; thông tin cán bộ phụ trách kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin; mục đích, phạm vi, nội dung thông tin, số lượng trường thông tin cần chia sẻ; dịch vụ đăng ký sử dụng trong Cơ sở dữ liệu căn cước, tài liệu mô tả kỹ thuật thành phần hệ thống có kết nối với Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an thực hiện:

a) Cung cấp tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước cho cơ quan, tổ chức có đề nghị kết nối;

b) Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức thực hiện kết nối, điều chỉnh phần mềm và kiểm thử kỹ thuật các dịch vụ chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

3. Trên cơ sở các yêu cầu của đơn vị đề nghị kết nối, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì, phối hợp Cục Kỹ thuật nghiệp vụ, Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an và đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá việc bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức có đề nghị kết nối.

Chương IV
TRA CỨU, KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

Điều 17. Quy trình tiếp nhận, giải quyết yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Tiếp nhận yêu cầu khai thác thông tin

a) Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Cơ quan quản lý căn cước, Công an cấp xã tiếp nhận yêu cầu khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước của công dân, cơ quan, tổ chức thông qua các hình thức gồm: trực tiếp tại Cơ quan quản lý căn cước, trụ sở Công an cấp xã; qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc nền tảng định danh và xác thực điện tử;

b) Khi tiếp nhận yêu cầu, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra sơ bộ và ghi nhận đầy đủ các thông tin sau đây: họ, chữ đệm và tên; số định danh cá nhân hoặc thông tin định danh khác của người yêu cầu; mục đích khai thác thông tin; nội dung, phạm vi thông tin đề nghị khai thác; hình thức nhận kết quả khai thác.

2. Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận phải hoàn thành kiểm tra hồ sơ để xác định điều kiện khai thác thông tin:

a) Kiểm tra tư cách pháp nhân của người yêu cầu khai thác thông tin, xác định người yêu cầu là chủ thể thông tin hoặc người được pháp luật cho phép khai thác thông tin;

b) Kiểm tra mục đích khai thác thông tin có phù hợp với quy định của pháp luật; phạm vi, nội dung thông tin đề nghị khai thác có thuộc phạm vi được phép khai thác hay không;

c) Trường hợp pháp luật quy định phải có sự đồng ý của chủ thể thông tin, Công an cấp xã kiểm tra việc thể hiện ý kiến đồng ý của chủ thể thông tin thông qua văn bản đề nghị, Ứng dụng định danh quốc gia, Cổng dịch vụ công hoặc hình thức hợp pháp khác;

d) Trường hợp yêu cầu không đủ điều kiện khai thác thông tin, cán bộ tiếp nhận thông báo rõ lý do cho người yêu cầu; trường hợp cần bổ sung, hoàn thiện thì hướng dẫn cụ thể để người yêu cầu thực hiện.

3. Sau khi kiểm tra đủ điều kiện khai thác thông tin, cán bộ tiếp nhận, xử lý hồ sơ lập đề xuất khai thác thông tin, trong đó nêu rõ: thông tin về người yêu cầu; mục đích khai thác; nội dung, phạm vi thông tin đề nghị khai thác; hình thức cung cấp kết quả. Lập đề xuất khai thác thông tin và báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước hoặc Trưởng Công an cấp xã xem xét, phê duyệt.

4. Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi nhận được đề xuất của cán bộ, Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước, Trưởng Công an cấp xã căn cứ đề xuất của cán bộ xử lý hồ sơ và quy định của pháp luật để xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép khai thác thông tin:

a) Trường hợp đồng ý cho phép khai thác, Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước, Trưởng Công an cấp xã phê duyệt phạm vi, nội dung thông tin được khai thác và hình thức cung cấp kết quả;

b) Trường hợp không đồng ý cho phép khai thác, Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước, Trưởng Công an cấp xã nêu rõ lý do và chỉ đạo việc thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị theo quy định.

5. Thực hiện tra cứu, khai thác thông tin

a) Căn cứ yêu cầu hợp lệ, cán bộ xử lý hồ sơ sử dụng tài khoản được cấp để tra cứu, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thông qua hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ theo quy định;

b) Việc tra cứu, khai thác thông tin phải bảo đảm đúng nội dung, đúng phạm vi thông tin được phép khai thác, thông tin cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị khai thác; không làm thay đổi, làm sai lệch, làm mất thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

6. Xử lý và kiểm tra kết quả khai thác thông tin

a) Cán bộ xử lý kiểm tra, đối chiếu kết quả khai thác để bảo đảm thông tin cung cấp đầy đủ, chính xác, thống nhất với mục đích khai thác;

b) Trường hợp phát hiện thông tin có dấu hiệu sai lệch, chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất thì thực hiện xác minh, làm rõ theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh theo quy định;

c) Trong thời gian chưa có kết quả xác minh, không sử dụng thông tin có sai lệch để cung cấp cho tổ chức, cá nhân.

7. Trả kết quả khai thác thông tin

a) Cơ quan quản lý căn cước, Công an cấp xã trả kết quả khai thác thông tin cho người yêu cầu theo hình thức đã đăng ký, bao gồm: trả trực tiếp tại trụ sở; trả thông qua Cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia; trả bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử theo quy định;

b) Việc trả kết quả phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng phạm vi thông tin được phép khai thác; không cung cấp thông tin vượt quá yêu cầu hoặc vượt quá thẩm quyền.

8. Quản lý, lưu trữ hồ sơ và trách nhiệm thực hiện

a) Cơ quan quản lý căn cước, Công an cấp xã có trách nhiệm quản lý, lưu trữ thông tin về việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu khai thác thông tin theo quy định về lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ;

b) Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp thực hiện việc khai thác thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng Cơ quan quản lý căn cước, Trưởng Công an cấp xã về việc tuân thủ quy trình, bảo mật thông tin và sử dụng thông tin đúng mục đích;

c) Thủ trưởng Cơ quan quản lý căn cước, Trưởng Công an cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình khai thác thông tin tại đơn vị mình.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được cung cấp thông tin

1. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an

a) Tổ chức quản lý, vận hành thống nhất Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; bảo đảm hệ thống hoạt động thông suốt, an ninh, an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin; thực hiện phân quyền, cấp, quản lý, thu hồi tài khoản truy cập, khai thác thông tin theo thẩm quyền;

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên hoặc đột xuất việc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin của các cơ quan, đơn vị được kết nối; phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác thông tin trái quy định;

d) Chủ trì hoặc phối hợp xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm; tạm dừng, đình chỉ hoặc chấm dứt quyền khai thác thông tin đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm theo quy định.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin

a) Tổ chức quán triệt, chỉ đạo việc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin tại đơn vị mình đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Thông tư này;

b) Ban hành quy định nội bộ hoặc phân công cụ thể trách nhiệm đối với từng bộ phận, cá nhân được giao thực hiện tra cứu, khai thác thông tin; bảo đảm việc sử dụng tài khoản được quản lý chặt chẽ, không dùng chung, không cho mượn tài khoản;

c) Bảo đảm điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, an ninh mạng tại đơn vị; tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng thông tin của cán bộ được phân quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý cấp trên về toàn bộ hoạt động tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước tại đơn vị mình.

3. Trách nhiệm của cá nhân trực tiếp tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin

a) Thực hiện việc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin đúng mục đích, đúng nội dung, đúng phạm vi đã được cấp có thẩm quyền cho phép;

b) Chỉ sử dụng thông tin được khai thác để thực hiện nhiệm vụ được giao; không sao chép, lưu giữ, cung cấp, tiết lộ thông tin cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền dưới mọi hình thức;

c) Thực hiện nghiêm việc quản lý, bảo mật tài khoản, mật khẩu, phương tiện truy cập; kịp thời báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn, lộ, lọt thông tin;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan, đơn vị về hành vi tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin của mình. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin về công dân để cấp có thẩm quyền chỉ đạo khắc phục.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng thông tin được cung cấp đúng mục đích đã được phê duyệt; không sử dụng thông tin vào mục đích khác;

b) Không chuyển giao, chia sẻ, cung cấp lại thông tin cho tổ chức, cá nhân khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Thực hiện các biện pháp bảo mật, bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu đối với thông tin được cung cấp theo quy định của pháp luật;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng thông tin được cung cấp và hậu quả phát sinh do việc sử dụng thông tin trái quy định.

Chương V
BẢO MẬT, BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

Điều 19. Yêu cầu về bảo mật, bảo đảm an ninh mạng đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Việc bảo mật, bảo đảm an ninh mạng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải tuân thủ quy định của Luật Căn cước, pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước được quản lý thống nhất, tập trung; chỉ được truy cập, tra cứu, khai thác, sử dụng bởi cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền và phục vụ đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

3. Việc truy cập, tra cứu, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ thông tin phải bảo đảm đúng phạm vi, đúng nội dung thông tin được phép; không được tự ý mở rộng phạm vi, kết hợp, tổng hợp thông tin ngoài mục đích được cấp có thẩm quyền cho phép.

4. Hoạt động bảo mật, bảo đảm an ninh mạng phải được thực hiện xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thu thập, cập nhật, điều chỉnh, kết nối, chia sẻ, tra cứu, khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

5. Việc bảo mật, bảo đảm an ninh mạng phải gắn với trách nhiệm cụ thể của cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin; bảo đảm phân công, phân cấp rõ ràng và kiểm soát được trách nhiệm trong từng khâu thực hiện.

6. Mọi hoạt động truy cập, tra cứu, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ thông tin phải được kiểm soát, giám sát và ghi nhận, lưu vết đầy đủ theo quy định để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm khi cần thiết. Không tổ chức kết nối, chia sẻ, tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin trong trường hợp không bảo đảm yêu cầu về bảo mật, an ninh mạng theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm, quy trình bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin và bảo vệ dữ liệu

1. Đánh giá, xác định yêu cầu bảo đảm an ninh mạng

Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thông tin kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước có trách nhiệm:

a) Rà soát, xác định phạm vi hệ thống thông tin, dữ liệu cá nhân được xử lý;

b) Xác định mức độ yêu cầu bảo mật, an ninh mạng đối với từng hệ thống, từng loại dữ liệu;

c) Xác định trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong việc bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

2. Tổ chức triển khai biện pháp bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin

a) Tổ chức triển khai các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện phân quyền truy cập, quản lý tài khoản khai thác thông tin theo chức năng, nhiệm vụ, vị trí công tác;

c) Kiểm soát hoạt động truy cập, khai thác, xử lý dữ liệu cá nhân trong hệ thống thông tin.

3. Bảo vệ dữ liệu trong quá trình xử lý thông tin

a) Chỉ khai thác, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân đúng mục đích, đúng phạm vi được phép;

b) Không cung cấp, tiết lộ, chia sẻ dữ liệu cá nhân cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền;

c) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa nguy cơ lộ, lọt, mất dữ liệu cá nhân.

4. Giám sát, phát hiện và xử lý sự cố an ninh mạng

a) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức giám sát thường xuyên hoạt động của hệ thống thông tin; kịp thời phát hiện dấu hiệu mất an ninh mạng hoặc vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu;

b) Khi phát hiện sự cố, phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục, hạn chế thiệt hại; báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định; phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý sự cố theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý, giám sát và xử lý vi phạm về bảo mật, an ninh mạng

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ trì phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan tham mưu tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát việc bảo mật, bảo đảm an ninh mạng trong quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Định kỳ hoặc khi có yêu cầu, cơ quan, đơn vị tự tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin và bảo vệ dữ liệu; kịp thời cập nhật, điều chỉnh, áp dụng biện pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ dữ liệu và an toàn hệ thống.

3. Cơ quan, đơn vị, cá nhân khi phát hiện nguy cơ hoặc sự cố mất an ninh mạng phải kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục, hạn chế thiệt hại và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về bảo mật, an ninh mạng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Chậm nhất trong 07 ngày, kể từ ngày có báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về an ninh mạng đối với hệ thống thông tin cấp độ 3, cơ quan, đơn vị có hệ thống kết nối tới hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải gửi thông báo về Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an.

Chương VI
KIỂM TRA, PHÚC TRA, GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

Điều 22. Yêu cầu về kiểm tra, phúc tra, giám sát

1. Việc kiểm tra, phúc tra, giám sát các hoạt động liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải bảo đảm khách quan, công khai, đúng thẩm quyền, đúng nội dung, đúng trình tự theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Hoạt động kiểm tra, phúc tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất; bảo đảm không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, cá nhân được kiểm tra.

3. Kết quả kiểm tra, phúc tra, giám sát là căn cứ để đánh giá việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân và để xử lý vi phạm theo quy định.

4. Việc kiểm tra, phúc tra, giám sát phải được lập biên bản, kết thúc kiểm tra phải có đánh giá chính xác và nêu khó khăn, vướng mắc, tồn tại, giải pháp khắc phục; kiến nghị xử lý trách nhiệm cụ thể đối với tập thể, cá nhân (đặc biệt đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và những người có liên quan) để xảy ra sai phạm theo quy định của Bộ Công an.

Điều 23. Nội dung kiểm tra, phúc tra, giám sát

1. Việc kiểm tra, phúc tra, giám sát tập trung vào các nội dung sau đây:

a) Việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước;

b) Việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin khác;

c) Việc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin; phạm vi, mục đích, đối tượng khai thác thông tin;

d) Việc bảo mật, bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu;

đ) Việc phân quyền, quản lý, sử dụng tài khoản truy cập, khai thác thông tin;

e) Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ, dữ liệu và nhật ký hệ thống;

g) Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

2. Việc phúc tra được thực hiện đối với các nội dung đã được kiểm tra khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện dấu hiệu chưa bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của kết quả kiểm tra trước đó.

Điều 24. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức kiểm tra, phúc tra, giám sát

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục Công nghệ thông tin, Cục Pháp chế, cải cách hành chính và tư pháp và đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, phúc tra, giám sát việc thực hiện các quy định liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước trong phạm vi toàn quốc.

2. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý;

b) Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm;

c) Báo cáo kết quả kiểm tra, phúc tra, giám sát theo quy định.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Thông tư này trong phạm vi quản lý.

Điều 25. Quy trình kiểm tra, phúc tra, giám sát các hoạt động liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Quy trình kiểm tra, phúc tra, giám sát quy định tại Điều này được áp dụng đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

2. Lập kế hoạch và xác định nội dung kiểm tra, phúc tra, giám sát

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, phúc tra, giám sát có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra, trong đó xác định rõ: mục đích, yêu cầu kiểm tra, phúc tra, giám sát; nội dung kiểm tra tương ứng với từng nội dung quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này; đối tượng kiểm tra, phúc tra, giám sát; phạm vi, thời gian kiểm tra; hình thức kiểm tra (trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua hệ thống);

b) Trường hợp kiểm tra, phúc tra theo kế hoạch định kỳ, kế hoạch phải được phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện. Trường hợp kiểm tra, phúc tra đột xuất, việc lập kế hoạch được thực hiện theo yêu cầu quản lý.

3. Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo từng nội dung cụ thể

Căn cứ phạm vi, nội dung kiểm tra, phúc tra, giám sát đã được xác định, cơ quan chủ trì kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo từng nội dung cụ thể sau đây:

a) Đối với việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: thẩm quyền thực hiện việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin; căn cứ pháp lý, hồ sơ, tài liệu làm cơ sở thực hiện; trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định; tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin được thu thập, cập nhật; việc xử lý đối với trường hợp thông tin có sai sót, không thống nhất;

b) Đối với việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: căn cứ pháp lý và văn bản thống nhất về kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu; phạm vi, nội dung dữ liệu được kết nối, chia sẻ; việc tuân thủ yêu cầu về bảo mật, an ninh mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ; việc quản lý, giám sát hoạt động kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu; việc chuyển giao, chia sẻ, cung cấp lại thông tin cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Đối với việc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: việc xác định đối tượng, thẩm quyền tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin; việc phân công, phân quyền cá nhân trực tiếp thực hiện và phê duyệt của người có thẩm quyền theo quy định; việc xác định mục đích tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin có phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; việc sử dụng thông tin có đúng mục đích đã được phê duyệt; việc tuân thủ phạm vi, nội dung thông tin được phép tra cứu, khai thác; việc khai thác có vượt quá nội dung cần thiết hoặc vượt quá phạm vi được cho phép; việc chấp hành quy trình tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, bao gồm tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra điều kiện, phê duyệt, thực hiện tra cứu, cung cấp kết quả; việc quản lý,

sử dụng tài khoản truy cập, khai thác thông tin; phát hiện hành vi sử dụng chung tài khoản, cho mượn, cho thuê, chuyển giao trái phép tài khoản; việc ghi nhận, lưu trữ và quản lý nhật ký tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, bảo đảm khả năng truy xuất, phục vụ công tác kiểm tra, phúc tra, giám sát; việc xác định trách nhiệm của cá nhân trực tiếp thực hiện và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong hoạt động tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin;

d) Đối với việc bảo mật, bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: việc thực hiện các biện pháp bảo mật, bảo đảm an ninh mạng; việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý sự cố an ninh mạng; việc tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu;

đ) Đối với việc phân quyền, quản lý, sử dụng tài khoản truy cập, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: việc cấp, quản lý, thu hồi tài khoản truy cập, khai thác thông tin; việc phân quyền theo chức năng, nhiệm vụ, vị trí công tác; việc kiểm soát hoạt động sử dụng tài khoản;

e) Đối với việc lưu trữ, quản lý hồ sơ, dữ liệu và nhật ký hệ thống, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: việc lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, hồ sơ điện tử; việc bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn dữ liệu; khả năng truy xuất, phục vụ kiểm tra, phúc tra;

g) Đối với việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân có liên quan, việc kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: việc tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát nội bộ; việc phát hiện, chấn chỉnh, xử lý vi phạm; trách nhiệm khi để xảy ra sai phạm trong phạm vi quản lý.

5. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

a) Trường hợp phát hiện vi phạm, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm chấn chỉnh, khắc phục, xử lý theo quy định;

b) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc kiến nghị quyết định việc tạm dừng, thu hồi quyền tra cứu, khai thác thông tin;

c) Kết quả kiểm tra, giám sát là căn cứ để đánh giá trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

6. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin có trách nhiệm chấp hành yêu cầu kiểm tra, giám sát; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các cơ quan, đơn vị, hệ thống thông tin đã được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được duy trì việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị kết nối thực hiện việc rà soát, điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Đối với các hoạt động thu thập, cập nhật, điều chỉnh, kết nối, chia sẻ, tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đã được thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện thì không phải thực hiện lại theo quy định của Thông tư này.

2. Các quy trình, phương thức thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin đang được áp dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa phù hợp với quy định tại Thông tư này thì phải rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện để phù hợp.

3. Trong thời gian chuyển tiếp, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phải bảo đảm việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 46/2022/TT-BCA ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi toàn quốc.

2. Cục Kỹ thuật nghiệp vụ chủ trì, phối hợp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và các đơn vị liên quan kiểm tra an ninh, an toàn thông tin phần cứng các thiết bị thuộc hệ thống; Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chủ trì phối hợp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá an ninh mạng hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

3. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Thông tư này đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý;

b) Hướng dẫn triển khai thực hiện các quy trình nội bộ, quy trình công tác để bảo đảm phù hợp với Thông tư này;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang